

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 1800545163 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2024)
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc	
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Đỗ Hoàng Nam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Lê Văn Thắng – Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang

Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Lê Văn Thắng

Giám đốc

Hậu Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 20 tháng 01 năm 2025, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính đính kèm có thể thay đổi, khi số liệu quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty được phê duyệt thay đổi so với số liệu tạm tính đã được ghi nhận trên Báo cáo tài chính đính kèm này. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính năm 2024 đính kèm hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.051.879.779.020	1.006.858.116.493
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	749.407.801.093	279.364.127.273
111	1. Tiền		489.407.801.093	199.364.127.273
112	2. Các khoản tương đương tiền		260.000.000.000	80.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		40.000.000.000	470.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	40.000.000.000	470.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		247.426.216.194	249.070.192.777
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	224.539.015.650	205.416.113.575
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.512.582.699	16.873.826.713
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.374.617.845	26.780.252.489
140	IV. Hàng tồn kho	8	13.667.906.498	3.971.630.471
141	1. Hàng tồn kho		13.667.906.498	3.971.630.471
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.377.855.235	4.452.165.972
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.377.855.235	4.452.165.972
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		103.895.082.885	111.803.415.183
220	I. Tài sản cố định		101.258.789.063	109.100.495.427
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	52.684.718.208	60.299.117.612
222	- Nguyên giá		91.395.467.099	90.499.003.788
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.710.748.891)	(30.199.886.176)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	48.132.033.818	48.359.340.778
228	- Nguyên giá		50.623.670.192	50.184.165.192
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.491.636.374)	(1.824.824.414)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		442.037.037	442.037.037
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		2.600.000.000	2.600.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	2.600.000.000	2.600.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		36.293.822	102.919.756
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	36.293.822	102.919.756
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.155.774.861.905	1.118.661.531.676

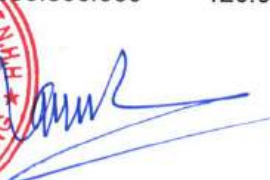
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		655.774.861.905	618.661.531.676
310	I. Nợ ngắn hạn		655.774.861.905	618.661.531.676
312	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.208.573.500	428.487.100
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	611.904.132.830	570.709.537.213
315	3. Phải trả người lao động		11.878.000.000	8.444.600.107
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.306.823.600	2.036.610.115
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	13	20.176.861.098	28.890.000.000
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.300.470.877	8.152.297.141
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		500.000.000.000	500.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	500.000.000.000	500.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	460.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	40.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.155.774.861.905	1.118.661.531.676

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		415.498.367.193	376.140.146.955
2. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		130.000.000.000	120.000.000.000



Nguyễn Hoàng Thắng Người lập biểu	Huỳnh Thanh Liêm Kế toán trưởng	Lê Văn Thắng Giám đốc
---	---	---------------------------------

Hậu Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu	16	5.466.733.939.264	5.077.458.602.292
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		5.466.089.909.043	5.076.812.590.867
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		5.466.089.909.043	5.076.812.590.867
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		644.030.221	646.011.425
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	712.968.249.028	662.192.946.660
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		712.968.249.028	662.192.946.660
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		712.968.249.028	662.192.946.660
10	3. Doanh thu thuần		4.753.765.690.236	4.415.265.655.632
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		4.753.121.660.015	4.414.619.644.207
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		4.753.121.660.015	4.414.619.644.207
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		644.030.221	646.011.425
11	4. Chi phí kinh doanh	18	3.889.565.987.950	3.555.435.813.348
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		3.889.565.987.950	3.555.435.813.348
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thưởng		2.921.927.900.000	2.644.946.200.000
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		967.638.087.950	910.489.613.348
20	5. Lợi nhuận gộp		864.199.702.286	859.829.842.284
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		863.555.672.065	859.183.830.859
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		644.030.221	646.011.425
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	14.187.526.183	30.115.723.696
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	276.290.542.769	251.129.012.784
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		602.096.685.700	638.816.553.196
31	11. Thu nhập khác		304.700.000	92.722.363
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		304.700.000	92.722.363
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		602.401.385.700	638.909.275.559
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	132.632.519.515	128.171.456.451
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		469.768.866.185	510.737.819.108



Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu



Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng





Lê Văn Thắng
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		5.994.307.036.925	5.576.320.529.375
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(4.005.074.453.136)	(3.636.891.226.741)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(56.483.860.966)	(60.501.132.754)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(52.277.907.463)	(129.134.384.940)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		240.373.070.545	249.679.836.012
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.629.364.756.124)	(1.496.352.084.212)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		491.479.129.781	503.121.536.740
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.022.356.302)	(9.310.729.700)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		304.700.000	36.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(470.000.000.000)	(566.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		900.000.000.000	359.250.852.010
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.220.293.307	12.231.851.252
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		464.502.637.005	(203.791.662.802)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(485.938.092.966)	(269.703.553.483)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(485.938.092.966)	(269.703.553.483)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		470.043.673.820	29.626.320.455
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		279.364.127.273	249.737.806.818
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		749.407.801.093	279.364.127.273


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Lê Văn Thắng
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 1800545163 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 116 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 115 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 13 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu và chi phí năm 2024 của Công ty tăng so với năm 2023.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng rủi ro trả thường;
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ .

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Cây lâu năm	06 năm
- Các tài sản khác	04 năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn
- Phần mềm kế toán	02 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng rủi ro trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Nghị định 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quyền tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Nghị định 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	8.553.010.669	23.924.509.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	480.854.790.424	175.439.617.803
Các khoản tương đương tiền (*)	260.000.000.000	80.000.000.000
	749.407.801.093	279.364.127.273

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,0%/năm đến 3,4%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2024
	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	
- Chi nhánh Cần Thơ	50.000.000.000
- Chi nhánh Tây Cần Thơ	30.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Tây Đô	60.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
- Chi nhánh Ngã Bảy	20.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	20.000.000.000
	260.000.000.000

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	40.000.000.000	470.000.000.000
	40.000.000.000	470.000.000.000

(*) Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2024 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,0%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2024
	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Tây Đô	10.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
	40.000.000.000

b. Đầu tư dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	2.600.000.000	2.600.000.000
	2.600.000.000	2.600.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Hậu Giang	40%	40%	In ấn

Mẫu B09 - XS

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Đại lý Thái Phước Đại	22.550.976.000	19.158.779.000
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	17.089.233.000	14.795.712.000
- Đại lý Mai Hữu Ánh	12.543.983.025	12.182.659.000
- Phải thu đại lý khác	172.354.823.625	159.278.963.575
	224.539.015.650	205.416.113.575

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	17.766.981.819	11.098.472.733
- Công ty TNHH Minh Thư	-	2.060.000.000
- Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	-	2.359.315.000
- Các đối tượng khác	745.600.880	1.356.038.980
	18.512.582.699	16.873.826.713

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	2.107.397.260	24.140.164.384
- Tạm ứng	318.820.310	188.583.487
- Thuế TNCN đại lý vé số	1.933.400.275	2.445.565.618
- Phải thu khác	15.000.000	5.939.000
	4.374.617.845	26.780.252.489

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Hàng hóa biểu tặng	9.838.815.590	1.615.266.835
- Vé xổ số	3.829.090.908	2.356.363.636
	13.667.906.498	3.971.630.471

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	49.639.915.192	544.250.000	50.184.165.192
- Mua trong năm	-	439.505.000	439.505.000
Số dư cuối năm	49.639.915.192	983.755.000	50.623.670.192
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.280.574.414	544.250.000	1.824.824.414
- Khấu hao trong năm	569.144.184	97.667.776	666.811.960
Số dư cuối năm	1.849.718.598	641.917.776	2.491.636.374
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	48.359.340.778	-	48.359.340.778
Tại ngày cuối năm	47.790.196.594	341.837.224	48.132.033.818

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 125B Trần Bình Trọng, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng là để làm trạm thanh hủy và phát hành vé số.
- Quyền sử dụng đất tại nhà số 606 (138 cũ), đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gồm 3 thửa: 1 thửa đất lâu dài, 2 thửa đất có thời hạn. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 151, đường 3 tháng 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Mục đích sử dụng là để làm trụ sở Công ty.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 544.250.000 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	205.323.318	355.149.394
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	1.172.531.917	4.097.016.578
	1.377.855.235	4.452.165.972
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	36.293.822	102.919.756
	36.293.822	102.919.756

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

Mẫu B09 - XS

13 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro trả thường đầu năm	28.890.000.000	28.890.000.000
- Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.713.138.902)	-
	20.176.861.098	28.890.000.000

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ số dư quỹ dự phòng trả thường tại ngày 31/12/2024 của Công ty tối đa là 26.338.671.078 VND. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đủ điều kiện trích lập bổ sung quỹ dự phòng rủi ro trả thường với số tiền là 6.161.809.980 VND. Tuy nhiên, Công ty không trích lập bổ sung do số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường hiện tại đảm bảo bù đắp được chi trả thường trong trường hợp tỷ lệ trả thường thực tế lớn hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	60.000.000.000	-	460.000.000.000
Tăng vốn trong năm trước	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	510.737.819.108	510.737.819.108
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	(14.303.344.918)	(14.303.344.918)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(456.434.474.190)	(456.434.474.190)
Số dư cuối năm trước	460.000.000.000	40.000.000.000	-	500.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay (i)	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	469.768.866.185	469.768.866.185
Trích lập quỹ (ii)	-	-	(14.401.059.673)	(14.401.059.673)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách (ii)	-	-	(455.367.806.512)	(455.367.806.512)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000

(i) Theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Công ty được bổ sung vốn điều lệ trong giai đoạn 2023 - 2024 là 100 tỷ đồng. Theo đó, trong năm 2024 Công ty thực hiện tăng vốn thêm 40 tỷ và lấy nguồn từ Quỹ đầu tư phát triển đã trích trong năm tài chính 2023.

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	500.000.000.000	100,00	460.000.000.000	100,00
	500.000.000.000	100,00	460.000.000.000	100,00

Mẫu B09 - XS

15 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và trả tiền thuê theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích (m ²)
Vị trí 1 Thửa đất số 18,19; tờ bản đồ số: 19, khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Hợp đồng số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018	Làm trụ sở Công ty	50 năm	124,7

16 . DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	5.466.089.909.043	5.076.812.590.867
Doanh thu khác	644.030.221	646.011.425
	5.466.733.939.264	5.077.458.602.292

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	712.968.249.028	662.192.946.660
	712.968.249.028	662.192.946.660

18 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí kinh doanh xổ số	3.889.565.987.950	3.555.435.813.348
- Chi phí trả thưởng	2.921.927.900.000	2.644.946.200.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	967.638.087.950	910.489.613.348
	3.889.565.987.950	3.555.435.813.348

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Chi phí cho các đại lý	906.575.921.600	841.544.995.900
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	901.904.835.000	837.674.077.500
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	4.671.086.600	3.870.918.400
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.521.300.000	2.760.612.000
3. Chi phí chống số đề	403.327.750	338.350.000
4. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	(8.713.138.902)	-
5. Chi phí về vé xổ số	63.327.272.718	62.050.909.084
6. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	3.463.404.784	3.734.746.364
7. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
	967.638.087.950	910.489.613.348

Mẫu B09 - XS

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.026.234.991	29.934.007.917
Cổ tức, lợi nhuận được chia	161.291.192	181.715.779
	14.187.526.183	30.115.723.696
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)	161.291.192	181.715.779

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.151.236	257.082.421
Chi phí nhân công	69.076.558.799	67.081.564.825
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	313.037.021	244.782.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.864.062.666	7.684.417.674
Thuế, phí, và lệ phí	2.361.274.646	3.255.148.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.111.235.560	4.762.847.858
Chi phí tài trợ	91.673.902.790	77.825.229.690
Chi phí quảng cáo	55.274.485.480	50.529.607.853
Chi phí khác bằng tiền	42.311.834.571	39.488.331.931
	276.290.542.769	251.129.012.784

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	602.401.385.700	638.909.275.559
Các khoản điều chỉnh tăng	9.103.386.907	2.129.722.475
- Chi phí không được trừ	9.103.386.907	2.129.722.475
Các khoản điều chỉnh giảm	(161.291.192)	(181.715.779)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(161.291.192)	(181.715.779)
Thu nhập chịu thuế TNDN	611.343.481.415	640.857.282.255
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	122.268.696.283	128.171.456.451
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	10.363.823.232	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	27.171.456.451	28.134.384.940
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(52.277.907.463)	(129.134.384.940)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	107.526.068.503	27.171.456.451

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết
Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận được chia		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	161.291.192	181.715.779

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập của Ban lãnh đạo Công ty	4.651.869.154	4.764.760.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Nguyễn Hoàng Thắng Người lập biểu	Huỳnh Thanh Liêm Kế toán trưởng	Lê Văn Thắng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2025



Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	54.423.576.448	13.944.920.192	9.861.672.620	11.458.879.815	454.825.926	355.128.787	90.499.003.788
Số tăng trong năm	977.818.985	-	510.058.862	94.973.455	-	-	1.582.851.302
- Mua trong năm	-	-	510.058.862	94.973.455	-	-	605.032.317
- Đầu tư XDCB hoàn thành	977.818.985	-	-	-	-	-	977.818.985
Số giảm trong năm	-	-	(619.137.991)	(67.250.000)	-	-	(686.387.991)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(619.137.991)	(67.250.000)	-	-	(686.387.991)
Số dư cuối năm	55.401.395.433	13.944.920.192	9.752.593.491	11.486.603.270	454.825.926	355.128.787	91.395.467.099
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	10.915.358.446	3.568.948.645	7.708.047.588	7.535.930.089	218.108.352	253.493.056	30.199.886.176
Số tăng trong năm	2.804.059.072	3.761.033.388	955.724.774	1.522.609.060	75.799.797	78.024.615	9.197.250.706
- Khấu hao trong năm	2.804.059.072	3.761.033.388	955.724.774	1.522.609.060	75.799.797	78.024.615	9.197.250.706
Số giảm trong năm	-	-	(619.137.991)	(67.250.000)	-	-	(686.387.991)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(619.137.991)	(67.250.000)	-	-	(686.387.991)
Số dư cuối năm	13.719.417.518	7.329.982.033	8.044.634.371	8.991.289.149	293.908.149	331.517.671	38.710.748.891
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	43.508.218.002	10.375.971.547	2.153.625.032	3.922.949.726	236.717.574	101.635.731	60.299.117.612
Tại ngày cuối năm	41.681.977.915	6.614.938.159	1.707.959.120	2.495.314.121	160.917.777	23.611.116	52.684.718.208

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.720.574.752 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	46.746.447.268	538.915.672.381	543.884.432.495	-	41.777.687.154
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	62.135.998.892	712.968.249.028	718.510.153.755	-	56.594.094.165
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	27.171.456.451	132.632.519.515	52.277.907.463	-	107.526.068.503
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	-	415.967.581.843	455.367.806.512	485.938.092.966	-	385.397.295.389
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	-	2.417.550.834	7.055.549.076	7.610.588.741	-	1.862.511.169
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	-	3.930.101.925	45.308.804.680	45.659.330.155	-	3.579.576.450
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	-	12.337.000.000	153.334.500.000	150.508.000.000	-	15.163.500.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	-	3.400.000	188.580.000	188.580.000	-	3.400.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	41.131.634	41.131.634	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	570.709.537.213	2.045.815.812.826	2.004.621.217.209	-	611.904.132.830

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

